

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1024/QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 04 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1)” tại xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1)” họp ngày 19 tháng 11 năm 2019;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1)” đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm Văn bản số 24-20/CV-HTĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Công ty cổ phần Hoàng Thịnh Đạt;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1)” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần Hoàng Thịnh Đạt (sau đây gọi là Chủ dự án), thực hiện tại xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được miễn tham vấn).
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

Nơi nhận:

- Công ty CP Hoàng Thịnh Đạt;
 - Bộ trưởng Trần Hồng Hà (đề báo cáo);
 - UBND tỉnh Quảng Ngãi;
 - Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi;
 - Lưu: VT, VPMC, TCMT (03). L (12).
-  



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN “KHU ĐÔ THỊ CÔNG NGHIỆP DUNG QUẤT (GIAI ĐOẠN 1)”

(Kèm theo Quyết định số 1027/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về Dự án:

- Tên dự án: “Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1)”.
- Địa điểm thực hiện: xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Hoàng Thịnh Đạt.
- Địa chỉ liên hệ: Tầng 9, tòa nhà VEAM Tây Hồ, lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

1.1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) diện tích 319 ha (gồm giai đoạn 1A diện tích 151,44 ha và giai đoạn 1B diện tích 167,56 ha) tại xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Các hạng mục chính của Dự án gồm:

+ Giải phóng mặt bằng, san nền, xây dựng hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp nước, cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, cây xanh, hệ thống thu gom nước mưa và nước thải.

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 19.500 m³/ngày đêm gồm 04 mô đun, mỗi mô đun công suất 4.875m³/ngày đêm.

+ Hồ sơ cỏ của hệ thống xử lý nước thải tập trung với dung tích là 63.500 m³.

1.2. Phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường này không bao gồm những hoạt động sau: khai thác nước mặt và nước ngầm phục vụ giai đoạn thi công và vận hành Dự án; khai thác và vận chuyển vật liệu san nền.

1.3. Các loại hình ngành nghề thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp:

- Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện, điện tử và viễn thông.
- Sản xuất, lắp ráp ô tô và linh kiện máy bay.
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.
- Sản xuất hóa chất và các sản phẩm hóa chất.
- Sản xuất, chế biến thực phẩm và đồ uống.
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan.
- Ngành dệt may, dệt nhuộm.

- Ngành cơ khí (trong đó xi mạ là một công đoạn sản xuất của sản phẩm chính).

- Các ngành thuộc công nghiệp chế biến, chế tạo.
- Các ngành công nghiệp nhẹ và công nghiệp phụ trợ.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

2.1.1. Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình trộn bê tông, làm ẩm vật liệu, vệ sinh dụng cụ, thiết bị, máy móc.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình san lấp mặt bằng; hoạt động của máy móc thiết bị thi công; hoạt động hàn, cắt, xì kim loại; hoạt động phủ nhựa đường.

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng; chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

2.1.2. Các tác động môi trường chính của Dự án trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các công trình hành chính, dịch vụ, nhà điều hành Khu công nghiệp và từ các nhà máy trong Khu công nghiệp; nước thải sản xuất phát sinh từ các nhà máy trong Khu công nghiệp.

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình sản xuất của các nhà máy trong Khu công nghiệp; mùi từ hệ thống xử lý nước thải, từ khu lưu giữ chất thải rắn của Khu công nghiệp.

- Chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sinh hoạt, từ quá trình sản xuất của các nhà máy trong Khu công nghiệp.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng khoảng 7,2 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform,...

- Nước thải xây dựng phát sinh từ quá trình thi công xây dựng khoảng 10 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ.

2.2.2. Quy mô, tính chất của nước thải trong giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các công trình hành chính, dịch vụ, nhà điều hành Khu công nghiệp và từ các nhà máy trong Khu công nghiệp khoảng 3.763 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (SS), BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), coliform...

- Nước thải sản xuất phát sinh từ các nhà máy trong Khu công nghiệp khoảng 13.564 m³/ngày đêm. Thông số ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (SS), độ màu, BOD, COD, nitơ (N), phốt pho (P), dầu mỡ, bụi kim loại,...

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn xây dựng:

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động san nền. Thông số ô nhiễm: Bụi, NO_x, CO, VOC, PM_{2.5},...

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của máy móc thi công, từ hoạt động hàn, cắt kim loại. Thông số ô nhiễm: bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC,...

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động phủ nhựa đường. Thông số ô nhiễm: bụi, SO_x, NO_x, CO_x, tổng Hydrocacbon,...

2.3.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành:

- Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động của các nhà máy trong khu công nghiệp. Thông số ô nhiễm: bụi, khí SO₂, NO_x, CO, các hợp chất hữu cơ bay hơi,...

- Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thành phần: H₂S, CO₂, CH₄, mercaptane,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.4.1. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng có khối lượng khoảng 96 kg/ngày. Bao gồm: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng có khối lượng khoảng 12 m³/tháng. Bao gồm: các loại phế thải như đất đá, gạch vỡ, bao bì xi măng, sắt thép vụn,...

2.4.2. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên có khối lượng khoảng 8,5 tấn/ngày. Bao gồm: các loại bao bì, vỏ lon đựng nước giải khát, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn không nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất có khối lượng khoảng 23 tấn/ngày. Bao gồm: sản phẩm không đạt, nhựa, vỏ dây điện, bao bì, phế phẩm nông sản, thực phẩm, các vật liệu thải bỏ,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng chủ yếu là dầu mỡ thải có khối lượng khoảng 684 lít/lần bảo trì (1 năm bảo trì 04 lần); giẻ lau dính dầu mỡ, phụ tùng hư hỏng dính dầu mỡ có khối lượng không đáng kể.

2.5.2. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất có khối lượng 3,5 tấn/ngày. Bao gồm: phế liệu mạch điện tử, sản phẩm không đạt chất lượng, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt thải, thùng dung môi, hộp sơn, bóng đèn huỳnh quang thải, hộp mực in thải, bao bì đựng hóa chất, bùn thải sau quá trình xử lý nước thải,...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án trong giai đoạn xây dựng:

3.1.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ thu gom, xử lý nước thải xây dựng như sau:

+ Nước thải xây dựng → mương đào hoặc ống cống bằng HDPE với đường kính D300 → hố lăng có lót vải địa kỹ thuật để loại bỏ cặn lăng → bẫy dầu để tách dầu mỡ ra khỏi nước thải → thoát ra kênh, rạch tự nhiên gần khu vực công trường.

- Quy trình công nghệ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng như sau: nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh di động → thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Sau khi kết thúc thi công sẽ tháo dỡ theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình xây dựng đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, K = 1,2 trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

3.1.2. Xử lý bụi, khí thải:

- Che chắn tại những khu vực thực hiện thi công xây dựng.
- Tuổi nước tạo độ ẩm trên mặt bằng tại những khu vực phát sinh nhiều bụi.
- Sử dụng các thiết bị, máy móc được kiểm chuẩn; thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị.

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực lán trại của công nhân và nhà điêu hành của Dự án.

- Bố trí kho chứa tạm chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng. Sau khi kết thúc thi công sẽ tháo dỡ theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn phát sinh trong quá trình xây dựng được thu gom và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình xây dựng của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phé liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tạm thời và thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại tạm thời có diện tích 30-40 m² có chia ngăn lưu giữ riêng biệt cho từng loại (kho lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại), ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Sau khi kết thúc thi công sẽ tháo dỡ theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng Dự án của đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Sử dụng các thiết bị, máy móc được kiểm chuẩn, thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; lắp đặt thiết bị giảm ồn cho những máy móc, thiết bị có mức ồn cao; không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ trưa.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án trong giai đoạn vận hành:

3.2.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ thu gom, xử lý nước thải của Dự án như sau:

+ Toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) (bao gồm cả nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp công suất 19.500 m³/ngày đêm (bao gồm 04 mô đun, mỗi mô đun có công suất 4.875 m³/ngày đêm) để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

+ Đường ống thu gom nước thải bằng cống HDPE có đường kính D300mm, D400mm và D800mm với chiều dài lần lượt là 5.501m, 1.872m và 1.365m. Trên các trục bố trí các ga thăm với tổng các ga thăm là 270 ga. Hệ thống thoát nước thải được thiết kế chạy theo các tuyến đường Khu công nghiệp, hướng thoát nước về phía trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Bố trí 03 trạm bơm chuyển bậc và 01 trạm bơm cưỡng bức nước thải về trạm xử lý nước thải tập trung.

+ Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau: nước thải đầu vào → thiết bị tách rác thô → bể gom nước thải → thiết bị tách rác tinh → bể tách cát và tách dầu → bể điều hòa → bể điều chỉnh pH → bể keo tụ/tạo bong → bể lắng hóa lý → bể anoxic → bể aeroten → bể phản ứng 1 và 2 → bể lắng sinh học → bể khử trùng → mương quan trắc → hồ sinh học → nguồn tiếp nhận.

+ Hồ sụt với dung tích chứa 63.500 m³ được xây dựng trong khuôn viên trạm xử lý nước thải tập trung và được lót đáy bằng nhựa HDPE hoặc vải địa kỹ thuật để lưu chứa nước thải trong trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố.

- Chế độ vận hành: liên tục.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án và các dự án đầu tư vào Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A với các hệ số Kq = 0,9; Kf = 0,9 trước khi xả vào mương Ông Cò dẫn ra sông Trà Bồng.

+ Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước cửa xả ra ngoài môi trường (bao gồm thiết bị quan trắc tự động, liên tục và thiết bị lấy mẫu tự động), có camera theo dõi, truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục gồm: lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, độ màu, COD, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho.

+ Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục, có camera theo dõi phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.

+ Thỏa thuận về yêu cầu đối với nước thải của các dự án đầu tư vào Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) trước khi xả vào hệ thống xử lý nước thải tập trung thông qua hợp đồng trách nhiệm và thiết lập hệ thống kiểm soát các nguồn nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị công nghiệp này.

3.2.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Các nhà máy thành viên trong Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) phải xử lý khí thải đạt quy chuẩn quy định theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt riêng cho từng nhà máy.

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt dọc các vỉa hè để chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 100 m² có chia các ngăn lưu giữ riêng biệt.

- Chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ các nhà máy thành viên trong Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) do các nhà máy thành viên tự hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đối với chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động khu trung tâm quản lý, điều hành, trạm xử lý nước thải, trung tâm điều hành và công trình dịch vụ của Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) do Ban Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý:

+ Chất thải sinh hoạt: 01 ngày/lần.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: 01 tuần/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tạm thời và thu gom về khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 100 m² có chia các ngăn lưu giữ riêng biệt cho từng loại (kho lưu giữ chất thải nguy hại phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại).

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các nhà máy thành viên trong Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) do các nhà máy thành viên tự hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động khu trung tâm quản lý, điều hành, trạm xử lý nước thải, trung tâm điều hành và công trình dịch vụ của Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) do Ban Quản lý hạ tầng Khu công nghiệp ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý: 01 tháng/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

3.2.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: Các nhà máy thành viên trong Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) phải áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn quy định theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt riêng cho từng nhà máy.

- Mạng lưới thu gom nước mưa: nước mưa trên phạm vi toàn Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa tập trung của Khu công nghiệp, chia làm 2 lưu vực chính: một hướng thu

gom về phía Đông của Dự án và thoát ra mương Ông Cò dẫn ra sông Trà Bồng, một hướng thu gom về phía Bắc đổ ra biển qua mương xây dựng mới.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

+ Thực hiện việc trồng cây xanh đảm bảo tỉ lệ tối thiểu 10% theo đúng quy định.

+ Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải: xây dựng hồ sơ cốt với dung tích chứa 63.500 m³ để lưu giữ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung gặp sự cố và bơm ngược lại để xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải: các nhà máy thành viên trong Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) phải áp dụng các phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải theo nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt riêng cho từng nhà máy.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại: khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo quy định.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: không xây dựng các công trình trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Công tác phòng cháy và chữa cháy: lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 19.500 m³/ngày đêm gồm 04 mô đun, mỗi mô đun công suất 4.875 m³/ngày đêm.

- Hồ sự cố với dung tích 63.500 m³.
- Khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 100 m².
- Khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 100 m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án:

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Chương trình giám sát nước thải:

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: theo hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý nước thải.
- Chỉ tiêu giám sát: BOD, TSS, TDS, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng chất hoạt động bề mặt, phốt phát, coliform.
- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,2.

5.1.2. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.
- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phé liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

5.2. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành:

5.2.1. Chương trình giám sát nước thải:

*/ Giám sát nước thải tự động, liên tục (giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm và giai đoạn vận hành thương mại): Thực hiện việc giám sát nước thải tự động, liên tục trước cửa xả ra ngoài môi trường và truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi theo quy định của pháp luật. Các thông số quan trắc nước thải tự động, liên tục gồm: lưu lượng đầu vào và đầu ra, pH, nhiệt độ, TSS, độ màu, COD, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho.

*/ Giám sát nước thải trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Vị trí giám sát: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước cửa xả ra ngoài môi trường.

- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ màu, pH, BOD₅, COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cr³⁺, Cr⁶⁺, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, tổng Phenol, tổng Xianua, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Sunfua, Florua, Amoni, Clo dư, tổng dầu mỡ khoáng, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ và Coliform.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/1 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT cột A, với K_q= 0,9, K_f = 0,9.

*/ Giám sát định kỳ nước thải trong giai đoạn vận hành thương mại:

- Vị trí giám sát: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung trước cửa xả ra ngoài môi trường.

- Chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, độ màu, pH, BOD₅, COD, TSS, As, Hg, Pb, Cd, Cr³⁺, Cr⁶⁺, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, tổng Phenol, tổng Xianua, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Sunfua, Florua, Amoni, Clo dư, tổng dầu mỡ khoáng, tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, tổng hóa chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ và Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT cột A, với K_q= 0,9, K_f = 0,9.

5.2.2. Chương trình giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Tần suất giám sát: thường xuyên và liên tục.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

6.1. Chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất thành đất công nghiệp theo quy định của pháp luật.

6.2. Các dự án đầu tư thực hiện trong Khu đô thị công nghiệp Dung Quất (giai đoạn 1) phải được chấp thuận hồ sơ môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.3. Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án; thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6.4. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả.

6.5. Tuân thủ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

6.6. Tuân thủ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trong quá trình thực hiện Dự án.

6.7. Tuân thủ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

6.8. Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành./.